

**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT**  
**TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014**

**Được kiểm toán bởi:**

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM**  
**(AASCS)**  
29 Võ Thị Sáu, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh; Điện thoại: (08). 38205.944 - 38205.947; Fax: 38205.942

<b>NỘI DUNG</b>	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	03 – 04
Báo cáo kiểm toán độc lập	05
Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đã được kiểm toán:	
- Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31/12/2014	06 – 07
- Thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31/12/2014	08 – 18

3011729  
CÔNG TY  
NHỆM HỮU  
VỤ TƯ V  
INH KẾ T  
KIỂM TOÁN  
IA NAM  
P. HỒ C

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT

Địa chỉ: Tầng 2, 71 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Chứng Khoán FPT (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31/12/2014.

Công ty Cổ Phần Chứng Khoán FPT được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 59/UBCK- GP ngày 13 tháng 7 năm 2007; Giấy phép điều chỉnh số 26/UBCK-GP ngày 13 tháng 4 năm 2011; Giấy phép điều chỉnh số 94/GPĐC-UBCK ngày 18 tháng 06 năm 2012 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam cấp.

**Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là:** Chứng Khoán

**Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:**

- Môi giới chứng khoán
- Hoạt động tự doanh chứng khoán
- Tư vấn đầu tư chứng khoán
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán
- Lưu ký và quản lý cổ đông

**Trụ sở chính tại Hà Nội:** Tầng 2, 71 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội.

**Công ty có hai chi nhánh:**

- **Chi nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh:** Tầng 3 tòa nhà Bến Thành Times Square, 136 - 138 Lê Thị Hồng Gấm, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- **Chi nhánh Đà Nẵng:** 100 Quang Trung, Phường Thạch Thang, Quận Hải Châu, TP.Đà Nẵng, Việt Nam.

**Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Ông Nguyễn Điệp Tùng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Trung	Thành viên
Ông Nguyễn Khắc Thành	Thành viên
Ông Eiichiro So	Thành viên
Ông Đỗ Sơn Giang	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc bao gồm:

Ông Nguyễn Điệp Tùng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Trung	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Đỗ Thị Hương	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Phương	Thành viên
Ông Ngô Thanh Hải	Thành viên

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) bày tỏ nguyện vọng làm công tác kiểm toán cho Công ty.

**Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài tỷ lệ an toàn tài chính**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31/12/2014 phản ánh trung thực, hợp lý tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty. Trong quá trình lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:





## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT

Địa chỉ: Tầng 2, 71 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý, thận trọng.
- Tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện hành.
- Lập và trình bày các Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành.
- Lập các Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng số liệu được thể hiện trong báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31/12/2014 phản ánh trung thực và hợp lý tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2014, phù hợp với các quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính tại Thông tư số 165/2012/TT-BTC ngày 9/10/2012 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

TP. Hà Nội, ngày 22 tháng 1 năm 2015

**TM. Ban Tổng Giám đốc**

**Tổng Giám đốc**



**Nguyễn Điệp Tùng**



Số: 75.../BCKT/TC

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**  
*Về Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2014  
của Công ty Cổ Phần Chứng Khoán FPT*

**Kính gửi:** - Hội đồng Quản trị Công ty Cổ Phần Chứng Khoán FPT  
- Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Chứng Khoán FPT

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty Cổ Phần Chứng Khoán FPT được lập ngày 22 tháng 1 năm 2015 từ trang 01 đến trang 18 kèm theo.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc:**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 800 và các chuẩn mực kiểm toán khác có liên quan. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31/12/2014 đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty Cổ phần Chứng Khoán FPT, phù hợp với các quy định của Thông tư số 226/2010/TT-BTC và Thông tư số 165/2012/TT-BTC ngày 9 tháng 10 năm 2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 3 năm 2015

**Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính Kế Toán và Kiểm Toán Phía Nam (AASCs)**

**Tổng Giám đốc**

**Đỗ Khắc Thanh**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0064-2013-142-1

**Kiểm toán viên**

**Đinh Thế Đường**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0342-2013-142-1

2011729-  
CÔNG TY  
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN  
DỊCH VỤ TƯ VẤN  
TÀI CHÍNH KẾ TOÁN  
VÀ KIỂM TOÁN  
PHÍA NAM  
TP. HỒ CHÍ MINH



Công ty CP Chứng Khoán FPT

Số:.....

V/v: Báo cáo chỉ tiêu an toàn tài chính

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

----/----

TP. Hà Nội, ngày 22 tháng 1 năm 2015

**Kính gửi: Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước**  
**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH**

Tại thời điểm: 31/12/2014

Chúng tôi cam đoan rằng:

- (1) Báo cáo được xây dựng trên cơ sở số liệu được cập nhật tại ngày lập báo cáo và được lập theo đúng các quy định tại Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính và Thông tư số 165/2012/TT-BTC ngày 09/10/2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính;
- (2) Đối với những vấn đề có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty phát sinh sau ngày lập báo cáo này, chúng tôi sẽ cập nhật trong kỳ báo cáo tiếp theo;
- (3) Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về tính chính xác và trung thực của nội dung báo cáo.

**Kế toán trưởng**

(Ký, ghi rõ họ tên)



**Nguyễn Thị Thu Hương**

**Trưởng bộ phận Kiểm soát nội bộ**

(Ký, ghi rõ họ tên)



**Mai Thị Thu Thảo**

**Tổng Giám đốc**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



**Nguyễn Diệp Tùng**

**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH**  
Tại thời điểm: 31/12/2014

**BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU RỦI RO VÀ VỐN KHẢ DỤNG**

STT	Các chỉ tiêu	Thuyết minh	Giá trị rủi ro/vốn khả dụng
1.	Tổng giá trị rủi ro thị trường	IV	8.052.796.056
2.	Tổng giá trị rủi ro thanh toán	V	18.899.023.317
3.	Tổng giá trị rủi ro hoạt động	VI	60.000.000.000
4.	Tổng giá trị rủi ro (4=1+2+3)		86.951.819.373
5.	Vốn khả dụng	VII	1.192.021.076.373
6.	Tỷ lệ an toàn Vốn khả dụng (6=5/4)		1370,90%

**Kế toán trưởng**  
(Ký, ghi rõ họ tên)



**Nguyễn Thị Thu Hương**

**Trưởng bộ phận kiểm soát nội bộ**  
(Ký, ghi rõ họ tên)



**Mai Thị Thu Thảo**

TP. Hà Nội, ngày 22 tháng 1 năm 2015

**Tổng Giám đốc**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



**Nguyễn Điệp Tùng**





## THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31/12/2014

### I Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp:

#### 1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ Phần Chứng Khoán FPT được thành lập theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 59/UBCK- GP ngày 13 tháng 7 năm 2007, Giấy phép điều chỉnh số 26/UBCK-GP ngày 13 tháng 4 năm 2011 và Giấy phép điều chỉnh số 94/GPĐC-UBCK ngày 18 tháng 06 năm 2012 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là 733.323.900.000 đồng (Bảy trăm ba mươi ba tỷ ba trăm hai mươi ba triệu chín trăm ngàn đồng).

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh: Chứng khoán

#### 3. Ngành nghề kinh doanh:

- Môi giới chứng khoán
- Hoạt động tự doanh chứng khoán
- Tư vấn đầu tư chứng khoán
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán
- Lưu ký và quản lý cổ đông

### II Cơ sở trình bày:

#### 1. Các văn bản pháp quy áp dụng:

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với quy định trong Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 và Thông tư số 165/2012/TT-BTC ngày 9/10/2012 của Bộ Tài chính quy định chi tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chi tiêu an toàn tài chính.

#### 2. Cơ sở số liệu tài chính:

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính được lập dựa trên cơ sở số liệu tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2014. Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính của Công ty.

#### 3. Đồng tiền trên báo cáo:

Công ty thực hiện lập báo cáo bằng đồng Việt Nam.

### III Các nguyên tắc lập báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính chủ yếu:

#### 1. Tỷ lệ vốn khả dụng:

Tỷ lệ vốn khả dụng là một thước đo mức độ an toàn tài chính của Công ty, phản ánh khả năng của Công ty trong việc thanh toán nhanh các nghĩa vụ tài chính và khả năng bù đắp các loại rủi ro phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh của Công ty.

Tỷ lệ vốn khả dụng là tỷ lệ phần trăm giữa giá trị vốn khả dụng và tổng giá trị rủi ro.

Tỷ lệ vốn khả dụng của Công ty được xác định theo công thức quy định trong Thông tư số 226/2010/TT-BTC và Thông tư số 165/2012/TT-BTC như sau:

Vốn khả dụng x 100%

Tỷ lệ vốn khả dụng =  $\frac{\text{Vốn khả dụng} \times 100\%}{\text{Tổng giá trị rủi ro}}$







## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH**

*Tại ngày 31/12/2014*

### **3.3. Giá trị rủi ro hoạt động:**

Giá trị rủi ro hoạt động là giá trị tương ứng với mức độ tổn thất có thể xảy ra do lỗi kỹ thuật, lỗi hệ thống và quy trình nghiệp vụ, lỗi con người trong quy trình tác nghiệp, hoặc do thiếu vốn kinh doanh phát sinh từ các khoản chi phí, lỗ từ hoạt động đầu tư, hoặc do các nguyên nhân khách quan khác.

Rủi ro hoạt động của Công ty được xác định bằng 25% chi phí duy trì hoạt động của Công ty trong vòng 12 tháng liền kề tính tới tháng gần nhất, hoặc 20% Vốn pháp định theo quy định của pháp luật, tùy thuộc vào giá trị nào lớn hơn.

Chi phí duy trì hoạt động của Công ty được xác định bằng tổng chi phí phát sinh trong kỳ, trừ đi:

- Chi phí khấu hao;
- Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn;
- Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn;
- Dự phòng phải thu khó đòi.





## THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31/12/2014

### IV. RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Các hạng mục đầu tư		Hệ số rủi ro	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
		(1)	(2)	(3)=(1)x(2)
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ</b>				
1	Tiền mặt (VND)	0%	128.070.795	0
2.	Các khoản tương đương tiền, tiền gửi có kỳ hạn	0%	186.000.000.000	0
3.	Giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng trên thị trường tiền tệ, chứng chỉ tiền gửi	0%		0
<b>II. Trái phiếu Chính phủ</b>				
4.	Trái phiếu Chính phủ không trả lãi	0%		0
5.	Trái phiếu Chính phủ trả lãi suất cố định			0
5.1	Trái phiếu Chính phủ, Trái phiếu Chính phủ các nước thuộc khối OECD hoặc được bảo lãnh bởi Chính phủ hoặc Ngân hàng Trung ương của các nước thuộc khối này, Trái phiếu được phát hành bởi các tổ chức quốc tế IBRD, ADB, IADB, AfDB, EIB và EBRD	3%		0
5.2	Trái phiếu công trình được Chính phủ, Bộ Tài chính bảo lãnh có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm;	3%		0
	Trái phiếu công trình được Chính phủ, Bộ Tài chính bảo lãnh có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 tới 5 năm;	4%		0
	Trái phiếu công trình được Chính phủ, Bộ Tài chính bảo lãnh có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên;	5%		0
<b>III. Trái phiếu doanh nghiệp</b>				
6.	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	8%		0
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn từ 1 tới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	15%		0
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	20%		0
7	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	25%	100.000	25.000

150/172  
CÔNG TY  
CHỨNG KHOÁN  
HÀ NỘI  
HÌNH KẾ  
KẾ TỐ  
HÀ NỘI  
TP. HỒ

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH**

Tại ngày 31/12/2014

**IV. RỦI RO THỊ TRƯỜNG**

Các hạng mục đầu tư		Hệ số rủi ro	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
		(1)	(2)	(3)=(1)x(2)
7	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn từ 1 tới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	30%		0
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	40%		0
<b>IV. Cổ phiếu</b>				
8.	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh; chứng chỉ quỹ mở	10%	246.986.700	24.698.670
9.	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	15%	531.569.500	79.735.425
10.	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi các công ty đại chúng chưa niêm yết, đăng ký giao dịch qua hệ thống UpCom	20%	2.444.700	488.940
11.	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các công ty đại chúng đã đăng ký lưu ký, nhưng chưa niêm yết hoặc đăng ký giao dịch; cổ phiếu đang trong đợt phát hành lần đầu (IPO)	30%	9.709.390	2.912.817
12.	Cổ phiếu của các công ty đại chúng khác	50%	15.889.870.407	7.944.935.204
<b>V. Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán</b>				
13.	Quỹ đại chúng, bao gồm cả công ty đầu tư chứng khoán đại chúng	10%		0
14.	Quỹ thành viên, công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ	30%		0
<b>VI. Chứng khoán bị hạn chế giao dịch</b>				
15.	Chứng khoán bị tạm ngừng giao dịch	40%		0
16.	Chứng khoán bị hủy niêm yết, hủy giao dịch	50%		0
<b>VII. Chứng khoán khác</b>				
17.	Cổ phần, phần vốn góp và các loại chứng khoán khác	80%		0
18.	Các tài sản đầu tư khác	80%		0
<b>VIII. Rủi ro tăng thêm (nếu có)</b>				
19.	Mã chứng khoán	Mức tăng thêm	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
<b>TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (I-II+III+IV+V+VI+VII+VIII)</b>				<b>8.052.796.056</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH**

Tại ngày 31/12/2014

**V. RỦI RO THANH TOÁN**

Loại hình giao dịch	Giá trị rủi ro						Tổng giá trị rủi ro
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	
	0%	0,8%	3,2%	4,8%	6%	8%	
<b>I. Rủi ro trước thời hạn thanh toán</b>							<b>17.783.023.317</b>
1.	Tiền gửi có kỳ hạn, các khoản tiền cho vay không có tài sản bảo đảm và các khoản phải thu từ hoạt động giao dịch và nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán				11.160.000.000	6.623.023.317	17.783.023.317
2.	Cho vay chứng khoán/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất						0
3.	Vay chứng khoán/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất						0
4.	Hợp đồng mua chứng khoán có cam kết bán lại/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất						0
5.	Hợp đồng bán chứng khoán có cam kết mua lại/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất						0
6.	Hợp đồng cho vay mua ký quỹ (cho khách hàng vay mua chứng khoán)/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất						0
<b>II. Rủi ro quá thời hạn thanh toán</b>							<b>0</b>
	Thời gian quá hạn	Hệ số rủi ro		Quy mô rủi ro		Giá trị rủi ro	
1.	0-15 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán					0	
2.	16 – 30 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán					0	
3.	31 – 60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán					0	
4.	Từ 60 ngày trở đi	100%				0	
<b>III. Rủi ro tăng thêm (nếu có)</b>							<b>1.116.000.000</b>
	Chi tiết tới từng khoản vay, tới từng đối tác	Mức tăng thêm		Quy mô rủi ro		Giá trị rủi ro	
1	Tiền gửi tiết kiệm tại BIDV	10%		11.160.000.000		1.116.000.000	
<b>TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN (B=I+II+III)</b>							<b>18.899.023.317</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31/12/2014

### VI- RỦI RO HOẠT ĐỘNG (TÍNH TRONG VÒNG 12 THÁNG)

I.	Tổng chi phí hoạt động phát sinh trong vòng 12 tháng	96.804.796.641
	Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí	3.526.021.854
	1. Chi phí khấu hao	3.518.760.093
II.	2. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn	7.261.761
	3. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn	
	4. Dự phòng phải thu khó đòi	
III.	Tổng chi phí sau khi giảm trừ (III = I - II)	93.278.774.787
IV.	25% Tổng chi phí sau khi giảm trừ (IV = 25% III)	23.319.693.697
V.	20% Vốn pháp định của tổ chức kinh doanh chứng khoán	60.000.000.000
	<b>TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG (C=Max {IV, V})</b>	<b>60.000.000.000</b>





## THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31/12/2014

### VII- BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		VKD	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
A	Nguồn vốn	(1)	(2)	(3)
1	Vốn chủ sở hữu không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	733.323.900.000		
2	Thặng dư vốn cổ phần, vốn khác không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	201.676.100.000		
3	Cổ phiếu quỹ			
4	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ (nếu có)	28.170.994.430		
5	Quỹ đầu tư phát triển	-		
6	Quỹ dự phòng tài chính	28.170.994.430		
7	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu			
8	Lợi nhuận lũy kế và lợi nhuận chưa phân phối trước khi trích lập các khoản dự phòng theo quy định pháp luật	267.683.273.425		
9	Chênh lệch đánh giá lại tài sản (50% tăng thêm hoặc 100% giảm đi)			
10	Chênh lệch tỷ giá hối đoái			
11	Lợi ích của cổ đông thiểu số			
12	Các khoản nợ có thể chuyển đổi			
13	Toàn bộ phần giảm đi hoặc tăng thêm của các chứng khoán tại chỉ tiêu đầu tư tài chính		47.245.418	144.379.946
<b>1A</b>	<b>Tổng</b>		<b>1.259.122.396.813</b>	
<b>B</b>	<b>Tài sản ngắn hạn</b>			
<b>I</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>			
<b>II</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>8.659.269</b>	
1	Đầu tư ngắn hạn		8.659.269	
	Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường theo quy định tại khoản 2 Điều 8			
	Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng theo quy định tại khoản 5 Điều 5		8.659.269	
2	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)			
<b>III</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn, kể cả phải thu hoạt động ủy thác</b>		<b>144.967.900</b>	
1	Phải thu của khách hàng		-	



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH**

Tại ngày 31/12/2014

**VII- BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG**

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		VKD	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
	Phải thu của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			
2	Trả trước cho người bán		144.967.900	
3	Phải thu nội bộ ngắn hạn			
	Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			
4	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán			
	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			
5	Các khoản phải thu khác			
	Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			
6	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)			
<b>IV</b>	<b>Hàng tồn kho</b>		<b>1.280.222.548</b>	
<b>V</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>1.702.709.428</b>	
1	Chi phí trả trước ngắn hạn		1.690.709.428	
2	Thuế GTGT được khấu trừ			
3	Thuế và các khoản phải thu nhà nước			
4	Tài sản ngắn hạn khác		12.000.000	
4.1	Tạm ứng			
	Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại trên 90 ngày			
4.2	Tài sản ngắn hạn khác		12.000.000	
<b>1B</b>	<b>Tổng</b>		<b>3.136.559.145</b>	

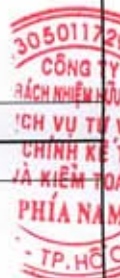


## THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31/12/2014

### VII- BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		VKD	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
<b>C</b>	<b>Tài sản dài hạn</b>			
<b>I</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn, kể cả phải thu của hoạt động ủy thác</b>			
1	Phải thu dài hạn của khách hàng			
	Phải thu dài hạn của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu dài hạn của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			
2	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc			
3	Phải thu dài hạn nội bộ			
	Phải thu dài hạn nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu dài hạn nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			
4	Phải thu dài hạn khác			
	Phải thu dài hạn khác có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu dài hạn khác có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			
1.5	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)			
<b>II</b>	<b>Tài sản cố định</b>		49.893.771.843	
<b>III</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>			
<b>IV</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>			
1	Đầu tư vào công ty con			
2	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh			
3	Đầu tư chứng khoán dài hạn			
	Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường theo quy định tại khoản 2 Điều 8			
	Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng theo quy định tại khoản 5 Điều 5			
4	Đầu tư dài hạn khác			
5	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)			



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31/12/2014

### VII- BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		VKD	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
V	Tài sản dài hạn khác		14.070.989.452	
	Các chỉ tiêu tài sản bị coi là khoản ngoại trừ tại báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán mà không bị tính giảm trừ theo quy định tại Điều 5			
1C	Tổng		63.964.761.295	
VỐN KHẢ DỤNG = 1A -1B -1C			1.192.021.076.373	

Kế toán trưởng  
(Ký, ghi rõ họ tên)



Nguyễn Thị Thu Hương

Trưởng bộ phận kiểm soát nội bộ  
(Ký, ghi rõ họ tên)



Mai Thị Thu Thảo

TP. Hà Nội, ngày 22 tháng 1 năm 2015

Tổng Giám đốc  
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



Nguyễn Điệp Tùng